

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2024
V/v “Tranh chấp về ly hôn,
giữa bà Tho và ông Sang”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Danh Vượng
- Bà La Thị Thu Nga

- Thư ký Tòa án: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần T-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 68/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Phạm Hồng T1, sinh năm 1986, vắng mặt
Địa chỉ: Số A đường N, phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1974, vắng mặt
Địa chỉ: Số A đường N, phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 1, Trại giam X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04-01-2024, bản khai ngày 17-5-2024, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 17-5-2024; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 17-5-2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Hồng T1 trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/02/2005 (Giấy chứng nhận số 16). Vợ chồng chung sống đến khi bà sinh con được 02 tháng tuổi thì ông S bị bắt về tội giết người và bị tuyên án tù chung thân. Trong thời gian thi hành án bà vẫn thường xuyên đến thăm, chu cấp tiền hàng tháng, được một thời gian thì tình cảm vợ chồng không còn, xảy ra mâu thuẫn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu ly hôn ông S.

Về nuôi con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Hữu G, sinh ngày 23/4/2005 đã trưởng thành phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-5-2024, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 16-5-2024 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông và bà Phạm Hồng T1 chung sống như vợ chồng từ năm 2004, đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2005 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống đến khi bà T1 sinh con được 02 tháng tuổi thì ông bị bắt về tội giết người và bị phạt tù chung thân nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Trong thời gian thi hành án bà T1 cũng vào thăm nom nhưng tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay, bà T1 đã có tình cảm với người đàn ông khác. Nay bà T1 xin ly hôn, ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Hữu G, sinh ngày 23/4/2005, ông đồng ý giao con cho bà T1 nuôi, ông không cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1; chấp nhận về nuôi con chung, chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bà Phạm Hồng T1 là nguyên đơn tranh chấp với ông Nguyễn Văn S là bị đơn về ly hôn; ông S đang chấp hành án tại Trại giam X thuộc huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Bà Phạm Hồng T1 và ông Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/02/2005 (Giấy chứng nhận số 16) nên hôn nhân này là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống đến khi bà T1 sinh con được 02 tháng tuổi thì ông S bị bắt về tội giết người và bị phạt tù chung thân. Từ đó, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay bà T1 thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn ông S. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2024, ông S thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T1. Cho thấy, mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà T1 ly hôn ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về nuôi con chung:* Ông bà có 01 con chung Nguyễn Hữu G, sinh ngày 23/4/2005 đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu nên không xem xét.

[3.3] *Về chia tài sản chung:* Ông bà không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về hôn nhân, về nuôi con chung, chia tài sản chung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Bà T1 phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân:* Cho bà Phạm Hồng T1 ly hôn ông Nguyễn Văn S.
2. *Về nuôi con chung:* Ông bà có 01 con chung Nguyễn Hữu G, sinh ngày 23/4/2005 đã trưởng thành; ông bà không yêu cầu nên không xem xét.
3. *Về chia tài sản chung:* Ông bà không yêu cầu nên không xem xét.
4. *Về án phí:* Bà Phạm Thị T2 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng số 0005348 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc; bà Phạm Thị T2 đã nộp đủ; ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- THA huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND phường 16, Quận 8,
thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu.

Phạm Trần Hiến